

# Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng báo cáo tài chính doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Biên Hoà

 Lâm Ngọc Nhân\*

Nhận: 13/03/2021

Biên tập: 25/03/2021

Duyệt đăng: 10/04/2021

*Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Biên Hoà. Từ đó, tác giả khuyến nghị các nhằm cải thiện chất lượng báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Biên Hoà, trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** Chất lượng báo cáo tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **Abstract**

*Research using quantitative methods has identified factors affecting the quality of financial statements in SMEs in Bien Hoa City. Besides, the author offers solutions to improve the quality of financial statements in SMEs in Bien Hoa city in the next time.*

**Keywords:** The quality of financial statements, SMEs.

## 1. Giới thiệu

Trong những năm qua, chất lượng báo cáo tài chính (BCTC) của các doanh nghiệp (DN) Việt Nam tuy đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn tồn tại nhiều vấn đề, nhất là trong khối doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) - khu vực chiếm tỷ lệ chủ yếu trong cộng đồng DN cũng như đóng góp chủ đạo trong nền kinh tế đất nước. Việc nâng cao chất lượng BCTC của các DN nói chung và các DNNVV nói riêng, đang là yêu cầu vô cùng cần thiết.

TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai là địa bàn tập trung nhiều DNVVN. Tác giả đã tiến hành khảo sát và nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC tại các DNNVV, trên địa bàn thành phố. Với kỳ vọng sẽ mang tính khái quát cho cộng đồng DNNVV ở nước ta.

## 2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

### 2.1 Lý thuyết nền

#### Lý thuyết ủy nhiệm

Lý thuyết ủy nhiệm được phát triển bởi Jensen và Meckling (1976). Lý thuyết ủy nhiệm tập trung cho mối quan hệ giữa người chủ (nhà đầu tư, chủ sở hữu) và người thừa hành (nhà quản lý). Người thừa hành sẽ đại diện người chủ thực hiện một số nhiệm vụ và được phép ra một số quyết định liên quan. Theo đó, các bên đều cố gắng tối đa hóa lợi ích của mình nên phát sinh chi phí ủy nhiệm, nhằm hướng người được ủy nhiệm hành xử theo hướng tối đa hóa lợi ích của bên ủy nhiệm. Chi phí ủy nhiệm bao gồm: Chi phí giám sát, Chi phí liên kết, Chi phí khác.

Lý thuyết này cho rằng, khi nhà quản lý sở hữu toàn bộ công ty thì

nhà quản lý sẽ đưa ra những quyết định nhằm tối đa hóa lợi nhuận của công ty, tức là tối đa hóa lợi nhuận của họ. Lý thuyết ủy nhiệm cũng cung cấp một cơ sở tốt, cho việc giải thích tại sao người được ủy nhiệm (quản lý) lựa chọn những chính sách kế toán và công bố thông tin kế toán có lợi nhất cho họ, sẽ thuận lợi cho việc đối phó với những thay đổi của môi trường bên ngoài cũng như giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh. Như vậy, dựa vào lý thuyết này, tác giả sẽ đưa vào mô hình nhân tố quyết định nhà quản trị, tổ chức kiểm toán.

#### Lý thuyết tín hiệu

Lý thuyết tín hiệu mô tả hành vi của hai bên, một bên nắm thông tin và phát tín hiệu cho thị trường và một bên sử dụng thông tin đó. Lý thuyết này nhằm làm giảm tình trạng thông tin bất cân xứng giữa bên có thông tin và bên cần thông tin. Chất lượng BCTC chính là tín hiệu đáng tin cậy, tạo niềm tin cho nhà đầu tư và các chủ thể liên quan, nhằm thuyết phục họ rằng các thông tin được công bố ra đáng tin cậy và minh bạch. DN thông qua các hoạt động kiểm soát nội bộ và đào tạo trình độ đội ngũ nhân viên kế toán, thực hiện tốt các quy định của thuế, các quy định pháp lý về kế toán nhằm nâng cao tính hiệu quả của công tác kế toán, độ tin cậy và tính chính xác của thông tin,

\* Khoa Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Lạc Hồng (LHU)

gia tăng chất lượng BCTC. Như vậy, dựa vào lý thuyết này, tác giả sẽ đưa vào mô hình nhân tố: quy mô công ty, quy định của thuế, các quy định pháp lý về kế toán, người lập BCTC.

**2.2 Các nghiên cứu có liên quan**

Đã có rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC của DN. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng điều kiện khác nhau như không gian nghiên cứu, thời gian nghiên cứu nên các yếu tố đưa vào nghiên cứu khác nhau.

Meek, Roberts & Gray (1995), Cao Nguyễn Lệ Thu (2014), Lê Thị Khoa Nguyễn, Lê Thị Thanh Xuân (2015) đã chỉ ra quy mô DN, ảnh hưởng đến chất lượng BCTC.

Healy & Palepu (2001) đã chỉ ra sự bất cân xứng thông tin từ quyết định của nhà quản trị ảnh hưởng đến chất lượng BCTC của DN.

Còn theo nghiên cứu của Hanlon, M., Hoopes, J. L., & Shroff, N. (2014), Phan Đức Dũng (2014), Nguyễn Xuân Hưng & Phạm Quốc Thuận (2016) thì chính sách thuế có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC của DN. Thông thường, ở các công ty vừa và nhỏ, người lập BCTC là các kế toán viên của DN.

Theo Trần Đình Khôi Nguyễn (2010) thì trình độ kế toán của nhân viên tác động đến việc vận dụng chuẩn mực và lập BCTC, ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC.

Ngoài ra, Trần Đình Khôi Nguyễn (2010), Nguyễn Xuân Hưng & Phạm Quốc Thuận (2016) còn chỉ ra tổ chức kiểm toán có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC.

Theo Holthausen (2009), Hassan (2013) đã chỉ ra chất lượng BCTC còn phụ thuộc vào các quy định pháp lý về kế toán.

Trong phạm vi nghiên cứu của nghiên cứu này, tác giả nghiên cứu dựa trên lý thuyết ủy nhiệm, lý thuyết tín hiệu, các nghiên cứu liên quan đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC tại các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa bao gồm:

Quyết định của nhà quản trị (QD), Quy mô DN (QM), Người lập BCTC (NL), Quy định về thuế (QDT), Tổ chức kiểm toán (KT), Các quy định pháp lý về kế toán (PL).

**3. Phương pháp nghiên cứu**

**3.1 Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi**

Từ mô hình lý thuyết ESQ và các nghiên cứu trước đây, tác giả xây dựng 25 thang đo các nhân tố ảnh hưởng và 5 thang đo chất lượng BCTC tại các DNNVV, trên địa bàn TP. Biên Hòa. Trong nghiên cứu này, thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng tương ứng: (1) Rất không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Trung lập, (4) – Đồng ý, (5) Rất đồng ý.

Tác giả tiến hành xây dựng bảng hỏi, bao gồm thông tin cá nhân các giám đốc tài chính, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp,... ở các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa và mức độ đồng ý các phát biểu liên quan tới các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC.

**3.2 Dữ liệu nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp điều tra trực tiếp các giám đốc tài chính, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp,... ở các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa, thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Số liệu thu thập được, tác giả tổng hợp và phân tích bằng phần mềm SPSS.

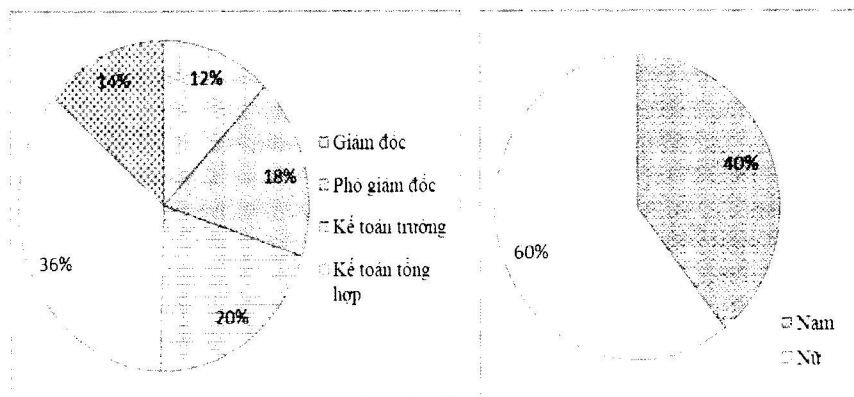
Kích thước mẫu nghiên cứu được xác định dựa vào nghiên cứu của Bollen (1998) và Hair & Ctg (1998) (trích theo Nguyễn Đình Thọ, 2011), tức là cần ít nhất 5 quan sát cho một biến đo lường và số quan sát không dưới 100. Do đó, nghiên cứu này cần đảm bảo kích thước mẫu tối thiểu là 165. Để đảm bảo kích thước mẫu tối thiểu, nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu của 220 các giám đốc tài chính, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp... ở các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa, chi tiết xem Hình 1.

**3.3 Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu định lượng. Từ cơ sở dữ liệu thu thập và xử lý số liệu sơ bộ, tác giả sẽ tiến hành kiểm định thang đo thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để loại các biến có hệ số tin cậy thấp, đảm bảo các thang đo phản ánh cùng một nội dung. Đây chính là cơ sở để phân tích nhân tố khám phá (EFA), để đánh giá và đi đến loại bỏ những câu hỏi thang đo không phù hợp hoặc những câu hỏi có yếu tố trùng lặp trong mỗi mục hỏi.

Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, tác giả sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Mục đích của phân tích hồi quy là ước lượng giá trị của biến phụ thuộc trên cơ sở giá trị của các biến độc lập đã cho và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

**Hình 1: Kết cấu đối tượng khảo sát**



(Nguồn: Phân tích SPSS của tác giả)

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1 Kiểm định Cronbach's Alpha**

Kết quả Kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy, các biến thang đo của các yếu tố đều có Corrected Item Total Correlation > 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha > 0.7. Kết quả Bảng 1 cho thấy, 25 biến thang đại diện cho 6 nhân tố và 5 biến thang đo đại diện cho chất lượng BCTC là hoàn toàn phù hợp.

**4.2 Phân tích nhân tố EFA**

Nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA, kết quả cho thấy 25 biến quan sát được gom thành 6 nhân tố, trong đó biến quan sát QDT1 có Hệ số Factor Loading < 0.5, nên loại bỏ ra khỏi phân tích EFA.

Kết quả EFA lần 2 cho thấy, chỉ số KMO = 0.840 > 0.5 và Sig = 0.000 < 0.05 nên dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là phù hợp.

Ngoài ra, kết quả cho thấy Eigenvalue = 1.447 > 1, điều này tóm tắt thông tin dữ liệu là tốt nhất. Tổng phương sai trích = 74.158% > 50%, chứng tỏ 74.158% biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 6 nhân tố được đo lường, thông qua 24 biến quan sát và hoàn toàn thích hợp.

**4.3 Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định**

Sau khi phân tích EFA, tác giả tiến hành phân tích hồi quy và kết quả như Bảng 2, trang 79.

Kết quả hồi quy lần 2 được thể hiện theo phương trình sau:

$$CL = -1.517 + 0.134*QD + 0.336*QM + 0.223*NL + 0.231*KT + 0.483*PL$$

Phương trình trên cho thấy, các biến đều tác động tích cực đến chất lượng BCTC tại các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa và đều có ý nghĩa thống kê (Sig. đều nhỏ hơn 5%). Cụ thể, PL tác động mạnh nhất đến chất lượng BCTC; QM tác động mạnh thứ hai đến chất lượng BCTC; KT tác động mạnh thứ ba đến chất lượng BCTC; NL tác động mạnh thứ tư đến chất lượng BCTC; QD tác động yếu nhất đến chất lượng BCTC.

Kết quả hồi quy cũng cho thấy, 5 nhân tố (PL, QM, KT, NL, QD) giải thích được 72.3% sự biến thiên về chất lượng BCTC tại các DNNVV trên địa bàn TP. Biên Hòa và hoàn toàn phù hợp với thực tiễn.

Nghiên cứu thực hiện thêm các kiểm định khác, kết quả cho thấy mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, không xảy ra hiện tượng tự tương quan và hoàn toàn phù hợp với dữ liệu.

**Bảng 1: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha**

Nhân tố	Mã hóa	Thang đo
Quyết định của nhà quản trị (QD) Cronbach's Alpha = 0.889	QD1	Quyết định của nhà quản trị có ảnh hưởng đến việc xử lý và trình bày BCTC.
	QD2	Việc quan trọng lợi nhuận của nhà quản trị có ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp kế toán của DN.
	QD3	Nhà quản trị có thể đưa ra các quyết định kinh tế dựa trên BCTC của DN.
	QD4	Nhà quản trị có can thiệp vào việc ghi chép và lập BCTC của bộ phận kế toán.
Quy mô DN (QM) Cronbach's Alpha = 0.881	QM1	Quy mô DN có ảnh hưởng đến công tác kế toán của DN.
	QM2	Quy mô DN có ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp kế toán của DN.
	QM3	Quy mô DN càng nhỏ thì càng ít ảnh hưởng đến việc xử lý thông tin kế toán.
Người lập BCTC (NL) Cronbach's Alpha = 0.874	NL1	Người lập BCTC có am hiểu về tình hình kinh doanh, tài chính của DN.
	NL2	Người lập BCTC tuân thủ các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.
	NL3	Người lập BCTC thường xuyên được cập nhật, đào tạo, huấn luyện về sự thay đổi chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định hiện hành.
	NL4	Người lập BCTC có đủ trình độ và kiến thức để vận dụng các chuẩn mực kế toán trong việc lập BCTC.
Quy định về thuế (QDT) Cronbach's Alpha = 0.889	QDT1	Các quy định hiện hành về thuế có ảnh hưởng đến công tác kế toán của DN.
	QDT2	Việc áp dụng và thực hiện đúng quy định về thuế giúp DN dễ dàng hơn trong việc khai báo, quyết toán thuế.
	QDT3	Các quy định về chính sách thuế có ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương pháp kế toán của DN.
	QDT4	DN phải chỉnh sửa số liệu theo kiến nghị của thuế vào cuối mỗi kỳ kế toán.
	QDT5	Cơ quan thuế thường gây áp lực đến việc xử lý, trình bày thông tin kế toán trên BCTC của DN.
	QDT6	Năng lực của cán bộ thuế quản lý trực tiếp ảnh hưởng đến công tác kế toán của DN.
Tổ chức kiểm toán (KT) Cronbach's Alpha = 0.827	KT1	Quy mô công ty kiểm toán có ảnh hưởng đến BCTC của DN.
	KT2	DN có yêu cầu bắt buộc kiểm toán thì mức độ vận dụng và tuân thủ chuẩn mực kế toán sẽ cao hơn.
	KT3	Trình độ kiểm toán viên có ảnh hưởng đến BCTC của DN.
	KT4	Mục đích sử dụng BCTC có ảnh hưởng đến BCTC của DN.
Các quy định pháp lý về kế toán (PL) Cronbach's Alpha = 0.894	PL1	Các quy định pháp lý về kế toán có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của BCTC.
	PL2	Các quy định pháp lý về kế toán có cập nhật và đường dẫn kịp thời cho DN.
	PL3	Khung pháp lý về kế toán chặt chẽ, dễ hiểu, dễ áp dụng.
	PL4	Khung pháp lý về kế toán thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác kế toán và việc lập BCTC vào cuối kỳ kế toán.
Chất lượng BCTC (CL) Cronbach's Alpha = 0.875	CL1	BCTC được tuân thủ quy định và phù hợp với đặc thù DN.
	CL2	BCTC được trình bày trung thực.
	CL3	BCTC được trình bày rõ ràng và dễ hiểu.
	CL4	BCTC có thể so sánh các thông tin với năm trước, với các tổ chức khác.
	CL5	BCTC phản ánh kịp thời các sự kiện phát sinh.

(Nguồn: Phân tích SPSS của tác giả)

**5. Kết luận**

Chất lượng BCTC là yếu tố mà các DNNVV quan tâm, nó quyết định sự minh bạch thông tin của DN. Kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC tại các DNNVV, trên địa bàn TP. Biên Hòa, sẽ giúp các các DNNVV có cái nhìn khách quan về các nhân tố này, từ đó giúp nâng cao chất lượng BCTC tại DN của mình.

Các nhà quản trị tại các DNNVV có thể nâng cao chất lượng BCTC thông qua các giải pháp sau:

**Thứ nhất, các giải pháp liên quan nhân tố quy định pháp lý về kế toán**

Nhân tố quy định pháp lý về kế toán là nhân tố tác động mạnh nhất đến chất lượng BCTC. Vì vậy, để chất lượng BCTC tại các DNNVV được nâng cao thì Nhà nước cần xây dựng một khung pháp lý cơ bản chung và hoàn chỉnh. Các DNNVV áp dụng các chuẩn mực kế toán chung sẽ đảm bảo một khung pháp lý tương đối thống nhất, thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước.

Bên cạnh đó, DNNVV có những đặc thù riêng, do đó việc ban hành chuẩn mực kế toán riêng áp dụng cho DNNVV là cần thiết. Việc nghiên cứu, ban hành chuẩn mực kế toán cần có một quá trình nghiên cứu nghiêm túc về đặc điểm hoạt động kinh doanh, nhu cầu thông tin quản lý nội bộ DN cũng như nhu cầu thông tin của các chủ thể liên quan đến DN, đặc biệt là nhu cầu thông tin của nhà đầu tư và chủ nợ hiện tại và tiềm năng của DN, từ đó xác định yêu cầu đối với thông tin tài chính mà DNNVV cần cung cấp. Đồng thời, kế thừa một cách hợp lý các quy định của hệ thống chuẩn mực kế toán chung đã ban hành theo hướng lựa chọn các vấn đề kế toán mang tính phổ biến, đơn giản và khả thi đối với công tác kế toán trong các DNNVV để quy định trong chuẩn mực kế toán đảm bảo cho chuẩn mực thực sự đi vào thực tế công tác kế toán của từng DN.

**Thứ hai, các giải pháp liên quan nhân tố quy mô của DN**

Quy mô DN là nhân tố nội tại của DN có ảnh hưởng đến chất lượng BCTC. Thực tế cho thấy, quy mô DN càng lớn thì DN càng có nhiều tiềm lực tài chính và nhân sự, do đó, DN sẽ đầu tư xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có quy trình chặt chẽ. Điều này thường ít xảy ra ở DN có quy mô nhỏ, với nguồn tài chính hạn chế. Bên cạnh đó, DN có quy mô lớn hơn bắt buộc phải xây dựng và tuân thủ chặt chẽ các quy trình kế toán, xây dựng bộ máy kế toán chuyên nghiệp, phân công trách nhiệm rõ ràng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống kế toán. Vì vậy, trong thời gian tới, nhà quản trị cần chú trọng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh hướng tới tối đa hóa lợi nhuận, từ đó cải thiện quy mô DN của mình, góp phần cải thiện cơ chế quản lý tài sản, cơ chế hoạt động của bộ phận kế toán tại DN của mình.

**Thứ ba, các giải pháp liên quan nhân tố tổ chức kiểm toán**

Công tác kiểm toán có tác động mạnh đến hoạt động kế toán của DNNVV. Nếu DN thuộc diện bắt buộc phải kiểm toán BCTC thì hoạt động kế toán thường chú trọng đầu tư hơn, nhờ đó chất lượng BCTC được nâng cao. Các ý kiến góp ý của kiểm toán viên trong quá trình thực hiện kiểm toán cũng giúp DN tuân thủ tốt hơn các chuẩn mực, chế độ kế toán liên quan.

Vì vậy, chất lượng đội ngũ kiểm toán viên và công ty kiểm toán có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng

BCTC của DN. Để đảm bảo chất lượng BCTC, các DNNVV cần chú trọng đến yếu tố chất lượng dịch vụ khi thuê kiểm toán độc lập hơn là việc chỉ quan tâm tới phí dịch vụ.

**Thứ tư, các giải pháp liên quan nhân tố người lập BCTC**

Người lập BCTC là các kế toán viên, hoặc kế toán trưởng, hoặc kế toán tổng hợp của các DN. Vì vậy, để nâng cao chất lượng BCTC thì cần xây dựng bộ máy kế toán hoàn thiện hơn. Chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nghiệp vụ cho kế toán. Đặc biệt, nhân viên kế toán cần cập nhật kịp thời các quy định của Bộ Tài chính, các chuẩn mực thông tư để phân tích, hoạch toán kế toán, ghi chép sổ sách một cách trung thực và tin cậy, đúng với quy định hiện nay. Bên cạnh đó, DN cần tổ chức phân công rõ ràng nhiệm vụ và trách nhiệm từng nhân viên trong việc đảm bảo việc lập và trình bày BCTC. Ngoài ra, DN cần đầu tư tuyển dụng đội ngũ kế toán có trình độ, có nghiệp vụ chuyên môn vững chắc, có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp để đảm bảo BCTC có sự minh bạch, độ tin cậy cao.

**Thứ năm, các giải pháp liên quan nhân tố Quyết định của nhà quản trị DN**

Nhà quản trị luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong mọi hoạt động của DN, trong đó có hoạt động kế toán, lập BCTC. Trong quá trình hoạch toán và lập BCTC, nhân viên

**Bảng 2: Kết quả hồi quy lần 2**

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
(Constant)	-1.517	0.314		-4.834	0.000			
1	QD	0.134	0.057	0.113	2.346	0.020	0.840	1.190
	QM	0.336	0.063	0.248	5.315	0.000	0.893	1.120
	NL	0.223	0.070	0.167	3.195	0.002	0.714	1.400
	KT	0.231	0.065	0.178	3.563	0.000	0.783	1.277
	PL	0.483	0.064	0.401	7.513	0.000	0.685	1.461

(Nguồn: Phân tích SPSS của tác giả)

kế toán bị chi phối từ những quyết định, chi thị của nhà quản trị, trong đó có các khoản ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí, lợi nhuận của DN, từ đó làm thiên lệch các giá trị nhằm hưởng lợi cho DN mình. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến BCTC mất đi sự minh bạch và tin cậy. Do đó, trước hết các DN cần thể hiện trách nhiệm của mình, nắm bắt các quy định và tuân thủ các quy định trong quản lý DN mình, đặc biệt là sự trung thực trong quá trình hoạt động của DN. ■

**Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Xuân Hưng, Phạm Quốc Thuận (2016), Tác động của các nhân tố bên ngoài DN đến tính thích đáng của chất lượng thông tin kế toán trên BCTC. Tạp chí Phát triển Kinh tế, 27(2), 53-75.
2. Nguyễn Đình Thọ (2011), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
3. Phan Đức Dũng (2014), Đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến thông tin trên BCTC của DN. Kỳ yếu Hội thảo khoa học, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM.
4. Trần Đình Khôi Nguyên (2010), Bàn về mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các DNNVV. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại Học Đà Nẵng, số 40, tháng 05.
5. Lê Thị Khoa Nguyễn, Lê Thị Thanh Xuân (2015) Các nhân tố ảnh hưởng mức độ thuyết minh BCTC các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Hội thảo nghiên cứu Khoa học trong kế toán tài chính, tháng 5/2015
6. Hanlon, M., Hoopes, J. L., & Shroff, N. (2014), The effect of tax authority monitoring and enforcement on financial reporting quality. The Journal of the American Taxation Association, 36(2), 137-170.
7. Hassan (2013), Financial Reporting Quality: Does Monitoring Characteristics Matter? An Empirical Analysis of Nigerian Manufacturing Sector. The Business & Management Review, 3.
8. Healy & Palepu (2001), Information asymmetry, corporate disclosure, and the capital markets: A review of the empirical disclosure literature. Journal of accounting and economics, 31(1), 405-440.
9. Holthausen (2009), Accounting standards, financial reporting outcomes, and enforcement.
10. Meeck, Roberts & Gray (1995), Factors influencing voluntary annual report disclosures by US, UK and continental European multinational corporations. Journal of international business studies, 555-572.

# Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Đồng Nai

 Nguyễn Văn Dũng\* - Phạm Nguyễn Khánh Linh\*

Nhận: 06/05/2021

Biên tập: 15/05/2021

Duyệt đăng: 20/05/2021

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 257 doanh nghiệp, đối tượng khảo sát là các giám đốc điều hành và kế toán trưởng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Phần mềm SPSS 26.0 đã được sử dụng, để hỗ trợ cho phân tích dữ liệu.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán; Đồng Nai; DN.

In this study, the authors have studied the factors affecting the application of corporate income tax accounting standards in enterprises in Dong Nai province. The study has surveyed 257 enterprises, the respondents of which are the chief executives and chief accountants of enterprises operating in the manufacturing sector. SPSS 26.0 software was used to support data analysis.

**Keywords:** Accounting standards; Dong Nai; enterprise.

Mặc dù, các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) đã được ban hành gần 20 năm, nhưng đến nay, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán cũng như tìm hiểu về những nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán, tại các doanh nghiệp (DN).

Mức độ áp dụng chuẩn mực kế toán tại DN Việt Nam luôn là câu hỏi lớn. Do đặc điểm khung pháp lý về kế toán Việt Nam tồn tại song song giữa chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán nên phát sinh những xung khắc, vì mục đích, bản chất của chuẩn mực và chế độ kế toán có nhiều sự khác biệt.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng VAS 17 - Thuế thu nhập DN tại các DN, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đây là chuẩn mực kế toán mà nhiều DN, người làm kế toán phản ánh là gặp không ít vướng mắc, trong cách hiểu và vận dụng.

## Cơ sở lý thuyết

### 1. Chuẩn mực kế toán

Chuẩn mực kế toán được tổ chức có thẩm quyền ban hành, nhằm đảm bảo chất lượng các thông tin tài chính cung cấp cho nhà đầu tư tài chính và cho các đối tượng có liên quan khác. Đến cuối thế kỷ 20, hầu hết các nước đều thiết lập hệ thống kế toán cho DN. Theo Điều 7, Luật

\* Đại học Lạc Hồng